

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI HÓA SÁNG CHẾ TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Phùng Minh Hải, Đỗ Phương Nhung, Hà Diệu Linh

Viện Nghiên cứu Sáng chế và Khai thác Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ



Bằng độc quyền sáng chế (BĐQSC) là một trong những kết quả được hình thành trong quá trình nghiên cứu của các cán bộ giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học. Khác với bài báo khoa học, ngoài danh tiếng, BĐQSC có thể đem lại lợi nhuận cho đơn vị chủ trì cũng như tác giả thông qua việc chuyển giao quyền sử dụng/chuyển nhượng quyền sở hữu, từ đó góp phần tái đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu. Điều này đã được minh chứng bởi rất nhiều trường đại học trên thế giới. Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc thương mại hoá sáng chế vẫn còn ở mức sơ khởi, chưa đáp ứng được kỳ vọng của các bên liên quan. Bài viết trình bày một số nguyên nhân và giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại hoá sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam.



Chính sách hỗ trợ hoạt động thương mại hoá sáng chế

Thương mại hoá sáng chế ngày càng được Đảng và Chính phủ quan tâm, điều đó được thể hiện qua:

Nghị quyết số 52 NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 có nêu: "...hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hoá và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với các sáng chế tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia...".

Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/08/2019 phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đặt mục tiêu: "...số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16-18%/năm; hoạt động khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ được chú trọng, đẩy mạnh; tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8-10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ...".

Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học nêu rõ: "...cơ

sở giáo dục đại học có trách nhiệm nộp đơn đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các tài sản trí tuệ khác tạo ra từ ngân sách của cơ sở giáo dục đại học và từ ngân sách nhà nước, mà cơ sở giáo dục đại học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định..." và "...cơ sở giáo dục đại học sở hữu BĐQSC, giải pháp hữu ích đã được Nhà nước bảo hộ được thành lập doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ nhằm khai thác, hoàn thiện và thương mại hoá sản phẩm theo quy định; ban hành quy chế và thực hiện quy định về chuyển nhượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân ngoài cơ sở giáo dục đại học để có nguồn tài chính tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho cơ sở giáo dục đại học...".

Có thể thấy, chính sách của Đảng và Chính phủ đang hỗ trợ tích cực cho hoạt động chuyển giao tri thức của cơ sở giáo dục đại học, với mục tiêu gắn kết hoạt động giáo dục nghiên cứu với thực tiễn và đến năm 2030 Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

Thực trạng hoạt động thương mại hoá sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học

Chủ sở hữu BĐQSC khi thương mại hoá thường tự khai thác, áp dụng vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoặc chuyển giao quyền sử dụng/chuyển nhượng quyền sở hữu cho đối tượng khác. Đối với các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới, cách làm phổ biến là chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng) cho các doanh nghiệp hoặc tạo nên những doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) nhằm thu được lợi nhuận để tái đầu tư vào hoạt động nghiên cứu.

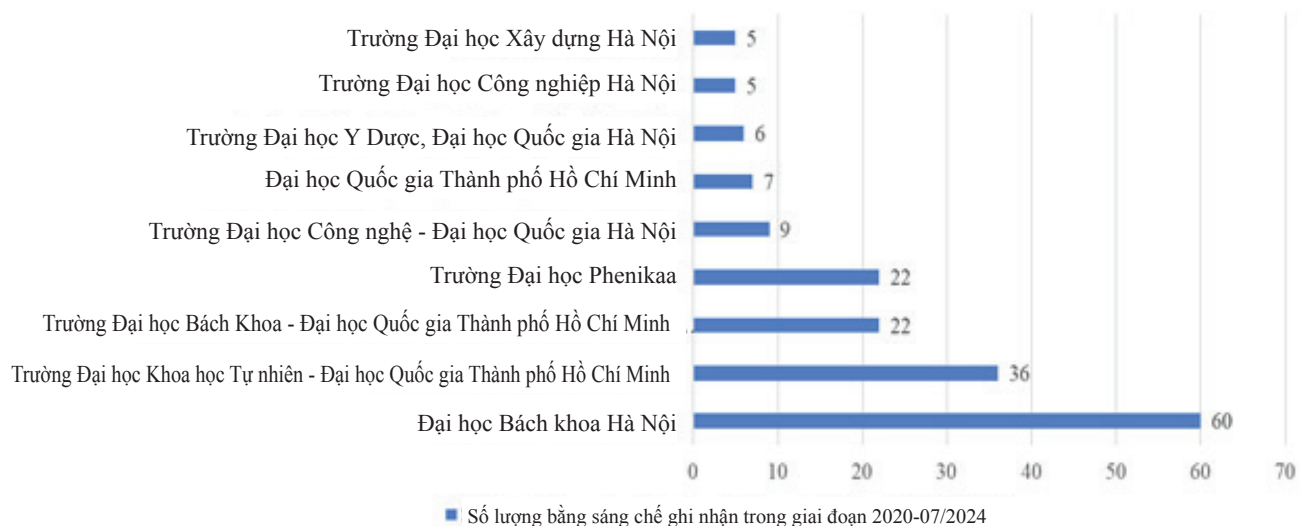
Hiện nay tình trạng thương mại hoá sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam còn hạn chế do một số nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, thiếu sự quan tâm đúng mực của người đứng đầu các cơ sở giáo dục đại học. Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét huỷ bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư đã nâng số điểm của sáng chế lên 3 điểm khi xét công nhận chức danh giáo sư và phó giáo sư, điều này đã một phần thúc đẩy số lượng đơn đăng ký sáng chế của các trường đại học tăng bình quân hàng chục đơn/năm so với trước kia. Tuy nhiên, con số này vẫn là vô cùng khiêm tốn so với hàng nghìn bài báo được

công bố mỗi năm của các cơ sở giáo dục đại học. Lý do các cơ sở giáo dục đại học quan tâm đến bài báo nhiều hơn đăng ký sáng chế vì đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp hạng của các cơ sở giáo dục đại học uy tín.

Xem xét các tiêu chí của 2 bảng xếp hạng QS (QS World University Rankings) và THE (Times Higher Education) dễ dàng nhận thấy, BĐQSC không phải tiêu chí quan trọng của 2 bảng xếp hạng này, vì vậy các cơ sở giáo dục đại học có cơ sở để ít quan tâm đến hoạt động sáng chế. Mặc dù vậy, trên thế giới hiện nay vẫn có một số bảng xếp hạng các trường đại học coi BĐQSC là tiêu chí quan trọng, chẳng hạn như: Top 100 trường đại học sở hữu BĐQSC do tổ chức National Academy of Inventors (NAI) công bố, hoặc Top 100 trường đại học sáng tạo trên thế giới của Reuter. Đây là danh sách xác định và xếp hạng các tổ chức giáo dục có nhiều đóng góp nhất vào việc thúc đẩy khoa học, sáng chế ra công nghệ mới và thúc đẩy thị trường và các ngành công nghiệp.

Hai là, số lượng BĐQSC khiêm tốn dẫn đến tình trạng doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đánh giá, lựa chọn giải pháp tối ưu và giải mã sáng chế phù hợp với nhu cầu đổi mới sáng tạo và nguồn lực của mình. Theo thống kê của Cục Sở hữu Trí tuệ, Top 10 trường đại học có số lượng bằng sáng chế được cấp nhiều nhất trong giai đoạn 2020-7/2024 được thể hiện ở hình 1.



Hình 1. Số lượng bằng sáng chế của một số trường đại học Việt Nam. Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Công báo Cục Sở hữu Trí tuệ.

Như vậy, so với các trường đại học trên thế giới, số lượng BĐQSC của các trường đại học Việt Nam là rất hạn chế, dẫn đến khả năng chuyển giao/chuyển nhượng BĐQSC thấp, doanh nghiệp không được tiếp cận các công nghệ nội sinh được bảo hộ nên phải nhập khẩu công nghệ nước ngoài. Số lượng BĐQSC thấp cũng làm giảm khả năng đàm phán thương mại vì doanh nghiệp sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào công nghệ nước ngoài, nếu trong trường hợp chúng ta có nhiều BĐQSC thì có thể áp dụng cơ chế li-xăng chéo giữa doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài từ đó giảm chi phí chuyển giao.

Ba là, hoạt động chuyển giao quyền sử dụng (cấp phép li-xăng) chưa thực sự đem lại danh tiếng và kinh phí cho cơ sở giáo dục đại học. Hiện nay, hoạt động chuyển giao công nghệ vẫn đang được triển khai tại một số trường đại học lớn như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội... Tuy vậy, phần lớn những hoạt động về chuyển giao/chuyển nhượng sáng chế này chưa được quan tâm, cùng với đó, số tiền thu được từ các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng/chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế cũng chưa đóng góp đáng kể vào nguồn thu của đơn vị chủ trì.

Một trong những nguyên nhân chính xuất phát từ phía cơ sở giáo dục, nhiều nghiên cứu bị “xếp ngăn kéo” do các nhà khoa học thường nghiên cứu cái mình sở trường hơn là theo nhu cầu doanh nghiệp. Điều này dẫn tới việc các nhà khoa học không mặn mà lắm với việc đăng ký bảo hộ sáng chế, bởi đăng ký xong thì cũng khó thương mại hóa. Ngoài ra, vấn đề phân chia lợi nhuận sau khi thương mại hóa sáng chế thành công chưa được quy định trong văn bản của đa số các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, dẫn đến các nhà khoa học không có nhiều động lực để đăng ký sáng chế từ kết quả nghiên cứu.

Bốn là, các trung tâm (văn phòng) cấp phép chuyển giao của các cơ sở giáo dục đại học còn hạn chế về năng lực, khiêm tốn về số lượng, dẫn đến sự thúc đẩy hoạt động thương mại hoá sáng chế trong nội bộ các

cơ sở giáo dục đại học hầu hết chỉ mang tính hình thức, sự kết nối với doanh nghiệp chưa được chặt chẽ, tạo nên rào cản khiến doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục chưa có sự hợp tác “win-win” trong nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ, sáng chế là bởi họ chưa có sự đồng điệu trong tư duy, bắt nguồn từ sự thiếu thông tin, thấu hiểu về lợi ích và thế mạnh của nhau.

Thêm vào đó, một số nguyên nhân như bài báo là sản phẩm nghiệm thu nhanh hơn so với sáng chế đối với một đề tài nghiên cứu, viết bản mô tả sáng chế khó khăn, thiếu nguồn lực chuyên trách về hoạt động sở hữu trí tuệ... cũng góp phần tạo nên bức tranh khiêm tốn của Việt Nam với số lượng 11.231 đơn đăng ký sáng chế và 1980 BĐQSC, 6.117 đơn giải pháp hữu ích và 2.568 bằng độc quyền giải pháp hữu ích được cấp trong suốt 41 năm từ 1982-2023. Trong khi chỉ riêng năm 2023, theo thống kê của WIPO Indicator, 5 quốc gia dẫn đầu gồm Trung Quốc, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Ấn Độ có tổng số lượng đơn đăng ký sáng chế là 2.817.839 đơn.

Giải pháp đề xuất

Từ kết quả phân tích thực trạng nêu trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy thương mại hóa sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam trong thời gian tới như sau:

Một là, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể thúc đẩy hoạt động chuyển giao quyền sử dụng sáng chế thông qua việc đặt hàng hoặc áp dụng chỉ tiêu về số lượng sáng chế được đăng ký hàng năm. Cơ sở giáo dục đại học, đơn vị nào càng nhận được nhiều kinh phí trong hoạt động nghiên cứu thì mục tiêu chuyển giao sáng chế, công nghệ đạt được càng phải cao. Bản thân các cơ sở giáo dục đào tạo cũng phải nhanh chóng chuyển mình, thích ứng với việc nguồn kinh phí từ ngân sách ngày càng hạn chế, tìm kiếm thêm nguồn thu mới từ việc chuyển giao sáng chế, công nghệ. Việc này sẽ thúc đẩy các cơ sở giáo dục áp dụng nghiên cứu vào thực tiễn, đem lại nguồn thu để tăng tính tự chủ của đơn vị.

Hai là, gắn kết hoạt động thương mại hoá sáng chế của cơ sở giáo dục đại học với chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII). Đây là căn cứ và bằng chứng về điểm mạnh, yếu, các yếu tố tiềm năng và các điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của từng địa phương. Việc thúc đẩy hoạt động thương mại hoá sáng chế tại các cơ sở giáo dục đại học của địa phương sẽ góp phần gia tăng điểm số đầu ra, từ đó tăng thứ hạng PII cho địa phương, giúp các nhà hoạch định chính sách, các cấp lãnh đạo địa phương có cơ sở xác định, lựa chọn các định hướng, giải pháp phù hợp cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Ba là, đưa việc đánh giá và chứng nhận tiềm năng thương mại hoá kết quả nghiên cứu, sáng chế trở thành hoạt động cần thiết, thường xuyên để nhanh chóng tìm ra được những sáng chế, công nghệ có thể thương mại hoá được trong thời gian ngắn, từ đó thúc đẩy hoạt động thương mại hoá sáng chế. Thương mại hoá sáng chế là một quá trình lâu dài và tốn nhiều công sức, chi phí, bởi sáng chế cũng tương tự như khởi nghiệp, cần nhiều sự hỗ trợ mới có thể thành công, đưa vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

Tại Hàn Quốc, Cơ quan Sở hữu trí tuệ (KIPO) của nước này đã triển khai chính sách ưu tiên mua bằng sáng chế có tiềm năng thương mại hóa cao. Trong quá trình thực thi chính sách, KIPO đã tổ chức các hội đồng đánh giá sáng chế để lựa chọn ra những bằng sáng chế có tiềm năng nhất và cấp giấy chứng nhận cho những sáng chế đó, đồng thời gửi thư giới thiệu sáng chế đến những tổ chức công tại Hàn Quốc để đưa vào danh sách ưu tiên mua khi có nhu cầu. Với tám giấy chứng nhận tiềm năng được cấp, giá trị của bằng sáng chế đã được tăng lên đáng kể cả về khía cạnh công nghệ lẫn khía cạnh thương mại, đồng thời là bảo chứng cho độ uy tín và danh tiếng của chủ sở hữu bằng sáng chế, từ đó gia tăng cơ hội tiếp cận được với các kênh đầu tư.


Tại Nhật Bản, từ năm 1997, Trung tâm Đào tạo và Thông tin Sở hữu Công nghiệp Quốc gia (INPIT) đã xây dựng một cơ sở dữ liệu trực tuyến về các bằng sáng chế có thể li-xăng thuộc sở hữu của các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu nhằm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động thương mại hóa sáng chế, chuyển giao công nghệ từ viện nghiên cứu - trường đại học cho doanh nghiệp. Ngoài ra, để thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư đối với các sáng chế trong cơ sở dữ liệu này, INPIT còn chọn ra những bằng sáng chế có tiềm năng thương mại hóa lớn để xây dựng các phương án ứng dụng mẫu và giới thiệu dưới dạng tài liệu quảng cáo (brochure) với tên gọi chung là: "Examples of Licensable Patent Utilization" - tạm hiểu là "Gợi ý các ý tưởng kinh doanh từ bằng sáng chế". Ý tưởng kinh doanh liên quan đến sáng chế được chọn bao gồm ý tưởng về sản phẩm mới xuất phát từ sáng chế, hoặc ý tưởng thành lập doanh nghiệp mới từ sáng chế.

Minh chứng từ các quốc gia nêu trên cho thấy, giá trị của sáng chế sẽ được nâng cao hơn khi được đánh giá và chứng nhận tiềm năng thương mại hóa, dù cho mục đích là phát triển công nghệ, sản phẩm mới, hay đơn giản là marketing, quảng cáo. Đối với tác giả sáng chế, việc đánh giá và chứng nhận tiềm năng giúp gia tăng cơ hội tiếp cận với các kênh đầu tư, từ đó gia tăng tỷ lệ thương mại hóa sáng chế thành công. Đối với doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp mới gia nhập thị trường hay doanh nghiệp khoa học và công nghệ, việc sở hữu những sáng chế được đánh giá và chứng nhận có tiềm năng thương mại hóa cao sẽ giúp tăng mức độ uy tín, giảm bớt gánh nặng chi phí cho marketing, quảng bá sản phẩm, từ đó gia tăng doanh thu, nâng cao độ nhận diện cho sản phẩm và thương hiệu của mình. Đối với nhà đầu tư, việc tiếp cận với những thông tin đánh giá tiềm năng thương mại hóa của sáng chế sẽ tiết kiệm được thời gian, chi phí cần thiết để lựa chọn sáng chế và hữu ích cho việc ra các quyết định đầu tư. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, việc đánh giá và chứng nhận tiềm năng thương mại hóa cho sáng chế sẽ giúp sàng lọc, lựa chọn được những sáng chế nổi bật để kịp thời có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển và chuyển giao để ứng dụng vào thực tiễn.

Thay lời kết

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được coi là “Khoán 10” với niềm tin đưa Việt Nam vươn mình trở thành quốc gia hàng đầu dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Một quốc gia phát triển khoa học công nghệ cần phải dựa vào nền tảng nhân lực tốt, trong đó các cơ sở giáo dục đại học là nơi luôn chiếm phần lớn lực lượng nghiên cứu. Để khai thác lực lượng này, năm 1980, Mỹ đã ban hành đạo luật Bayh-Dole nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao sáng chế, công nghệ từ trường đại học đến doanh nghiệp. Từ khi được thực hiện vào năm 1980, Đạo luật này đã trực tiếp đóng góp hơn 1,3 nghìn tỷ USD cho tăng trưởng kinh tế của Mỹ, hơn 4,2 triệu việc làm và hơn 11.000 công ty khởi nghiệp mới từ các trường đại học của quốc gia. Tiếp thu kinh nghiệm và tinh thần đạo luật Bayh-Dole, năm 2022 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi của nước ta đã quy định trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn, đồng thời

có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả.

Quy định này không chỉ khắc phục các bất cập hiện nay về việc đăng ký và khai thác các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ do nhà nước đầu tư mà còn là cú hích để khuyến khích các chủ thể nghiên cứu chủ động đăng ký, khai thác các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp... được tạo ra; thúc đẩy quan hệ hợp tác với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa và hấp dẫn nhiều nguồn vốn đầu tư để phát triển, nghiên cứu sản phẩm, qua đó thu về nhiều lợi ích kinh tế cũng như đạt được các mục tiêu về an sinh xã hội. Ngoài ra, cơ chế tự chủ ngày càng được áp dụng với các cơ sở giáo dục đại học, nguồn thu từ ngân sách sẽ eo hẹp dần, học phí cũng không thể tăng mãi, khi đó nguồn thu từ hoạt động chuyển giao sáng chế, công nghệ là nguồn thu hữu ích bù đắp cho chi phí hoạt động nghiên cứu, phúc lợi tăng thêm của các cơ sở giáo dục. Chính vì vậy, các cơ sở giáo dục cần có những chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy hoạt động này để một tương lai không xa, sáng chế, công nghệ từ các trường đại học Việt Nam xuất hiện trên bản đồ công nghệ thế giới 

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về Một số chủ trương chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.*
2. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*
3. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/08/2019 Phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030.*
4. Chính phủ (2022), *Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.*
5. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/08/2018 ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.*
6. Quốc hội (2005), *Luật Sở hữu trí tuệ.*